



Working Paper 2026.1.5.2

- Vol. 1, No. 5

TRÁCH NHIỆM MỞ RỘNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT ĐỐI VỚI BAO BÌ TỪ HOẠT ĐỘNG GIAO HÀNG TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: AI LÀ NGƯỜI PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM?

Nguyễn Phương Ly¹, Hoàng Trúc Mai, Nguyễn Tuyết Ngân, Nguyễn Huyền Nhung

Sinh viên K62 Luật Thương mại quốc tế - Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Sáng tạo

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử (TMĐT) tại Việt Nam đang làm gia tăng đáng kể lượng rác thải bao bì từ hoạt động giao hàng, mà bao bì trong giao hàng TMĐT gắn với sự tham gia của nhiều chủ thể trong chuỗi cung ứng, gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm theo cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phân tích, tổng hợp các quy định pháp luật và tài liệu thứ cấp liên quan đến EPR, rác thải bao bì từ hoạt động TMĐT và áp dụng phương pháp so sánh, đối chiếu nhằm làm rõ cơ sở xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR đối với bao bì trên. Bài viết làm rõ bản chất pháp lý của bao bì giao hàng TMĐT, xem xét cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR và so sánh với kinh nghiệm quốc tế. Trên

¹ Tác giả liên hệ, email: k62.2314610047@ftu.edu.vn

cơ sở đó, chỉ ra khoảng trống pháp lý trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR trong TMĐT và đề xuất định hướng xác định chủ thể chịu trách nhiệm phù hợp với đặc thù của hoạt động giao hàng TMĐT, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý rác thải bao bì và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

Từ khóa: EPR, rác thải bao bì, thương mại điện tử, bao bì giao hàng, trách nhiệm nhà sản xuất

EXTENDED PRODUCER RESPONSIBILITY FOR PACKAGING FROM E-COMMERCE DELIVERY ACTIVITIES: WHO SHOULD BEAR RESPONSIBILITY?

Abstract

The rapid growth of e-commerce in Vietnam has significantly increased the amount of packaging waste generated from delivery activities, while packaging used in e-commerce deliveries involves the participation of multiple actors in the supply chain, creating challenges in determining responsibility under the Extended Producer Responsibility (EPR) mechanism. This article employs a qualitative research approach through the analysis and synthesis of legal regulations and secondary sources related to EPR and packaging waste arising from e-commerce activities, and applies comparative analysis to clarify the legal basis for identifying the entities responsible for EPR with respect to such packaging. The article examines the legal nature of e-commerce delivery packaging, analyzes the approach adopted by Vietnamese law in determining EPR-responsible entities, and compares it with international practices. On that basis, the article identifies legal gaps in determining the entities responsible for EPR in the e-commerce sector and proposes directions for identifying appropriate responsible entities in accordance with the specific characteristics of e-commerce delivery activities, thereby contributing to the improvement of packaging waste management mechanisms and the promotion of a circular economy in Vietnam.

Keywords: EPR, packaging waste, e-commerce, delivery packaging, producer responsibility

1. Đặt vấn đề

1.1. Bối cảnh

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, TMĐT ngày nay tại Việt Nam phát triển nhanh, đặc biệt từ sau năm 2016 và trong đại dịch COVID-19, làm phát sinh lượng lớn bao bì trong quá trình đóng gói và vận chuyển hàng hóa, tạo ra lượng rác thải bao bì, và đặt áp lực đáng kể đối với môi trường. Tính đến giữa năm 2025, theo Báo cáo số 283 của Chính phủ, quy mô thị trường TMĐT Việt Nam đã đạt khoảng 25 tỷ USD, tăng 20% so với năm 2023, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có tốc độ tăng trưởng TMĐT cao

nhất trong khu vực ASEAN.² Trong bối cảnh đó, cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) được xem là công cụ chính sách quan trọng nhằm gắn trách nhiệm quản lý chất thải với các chủ thể đưa sản phẩm và bao bì ra thị trường. Tuy nhiên, trong lĩnh vực TMĐT, do có nhiều chủ thể tham gia trong chuỗi cung ứng, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm đối với bao bì giao hàng vẫn chưa thực sự rõ ràng, đặt ra yêu cầu cần làm rõ bản chất pháp lý của loại bao bì này và xác định chủ thể chịu trách nhiệm phù hợp theo pháp luật Việt Nam hiện hành.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các nghiên cứu hiện nay có cho thấy sự phân tích tương đối toàn diện về EPR, song vẫn còn những khoảng trống nghiên cứu đáng kể khi áp dụng vào bối cảnh giao hàng TMĐT, đặc biệt là với vấn đề chủ thể. Trước hết, về cơ sở lý luận, các công trình như *“Extended Producer Responsibility: Basic facts and key principles”* (2024) của OECD và *“Integrating Extended Producer Responsibility within the international legally binding instrument on plastic pollution”* (2023) của UNEP tập trung làm rõ khái niệm, bản chất và mục tiêu của EPR, nhấn mạnh đây là công cụ chính sách nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Bên cạnh đó, các công trình như *“EPR Toolbox”* (2021) hay *“Extended Producer Responsibility (EPR) for Managing Packaging Waste”* (2018) của OCT cung cấp hiểu biết về mô hình vận hành và vai trò của các chủ thể, đặc biệt trong lĩnh vực bao bì. Một số nghiên cứu gần đây, như *“Extended Producer Responsibility (EPR) and the Impact of Online Sales”* (2019) của OECD và *“Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và hệ thống tái chế thương mại điện tử”* (2025) của tạp chí EWA, đã bước đầu phân tích tác động của TMĐT và chỉ ra khó khăn trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm khi xuất hiện nền tảng số và giao dịch xuyên biên giới, nhưng chưa xác định cụ thể. Nhìn chung, các nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận ở mức khái quát hoặc trong bối cảnh quốc tế, chưa đi sâu làm rõ trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong hoạt động giao hàng TMĐT (như sàn, người bán, đơn vị vận chuyển), đặc biệt trong điều kiện Việt Nam. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà bài báo hướng tới bổ sung.

² VnEconomy (n.d.), “Kinh tế tuần hoàn từng bước thay thế kinh tế tuyến tính”, truy cập tại: <https://vneconomy.vn/kinh-te-tuan-hoan-tung-buoc-thay-the-kinh-te-tuyen-tinh.htm> (truy cập ngày 05/01/2026).

2. Khái quát về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đối với bao bì giao hàng trong thương mại điện tử

2.1. Khái quát về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất

Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility – EPR) là một công cụ chính sách môi trường được hình thành từ những năm 1990 và dần trở thành một cách tiếp cận phổ biến trong quản lý chất thải trên thế giới. Cơ chế này được hình thành trong bối cảnh sản xuất và tiêu dùng hàng hóa phát triển mạnh mẽ, kéo theo sự gia tăng nhanh chóng của các loại bao bì và chất thải sau tiêu dùng, đặt ra yêu cầu về các công cụ quản lý hiệu quả hơn. Về mặt lý luận, EPR được xây dựng trên nền tảng nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” (polluter pays principle), theo đó chủ thể đưa sản phẩm ra thị trường phải chịu trách nhiệm đối với các tác động môi trường phát sinh từ sản phẩm trong toàn bộ vòng đời, bao gồm cả giai đoạn sau tiêu dùng.

Theo định nghĩa về EPR mới nhất của OECD (2024), EPR được hiểu là “*một chính sách buộc nhà sản xuất chịu trách nhiệm đối với sản phẩm của mình trong toàn bộ vòng đời, bao gồm cả giai đoạn sau tiêu dùng*”³. Trên cơ sở kế thừa cơ sở lý luận hình thành, cách tiếp cận của OECD và đặt trong bối cảnh pháp luật Việt Nam hiện hành, nhóm tác giả cho rằng: EPR là chính sách môi trường theo đó nhà sản xuất, nhà nhập khẩu phải chịu trách nhiệm thu gom, xử lý và tái chế đối với sản phẩm, bao bì của mình trong toàn bộ vòng đời sản phẩm, từ giai đoạn thiết kế, lựa chọn vật liệu và sản xuất đến thu hồi, tái chế và xử lý sau tiêu dùng.

2.2. Bao bì giao hàng trong hoạt động thương mại điện tử

2.2.1. Khái niệm bao bì

Pháp luật Việt Nam hiện chưa đưa ra một định nghĩa khái quát chung về “bao bì”. Khoản 5 Điều 3 Nghị định 43/2017/NĐ-CP mới chỉ quy định về khái niệm “bao bì thương phẩm” nhưng mới chỉ định nghĩa bao bì thương phẩm trong hoạt động lưu thông hàng hóa, chưa bao quát toàn bộ các dạng bao bì tồn tại trong chuỗi sản xuất, phân phối và tiêu dùng, đặc biệt là các loại bao bì phục vụ vận chuyển. Trong khi Chỉ thị 94/62/EC của EU định nghĩa bao bì theo chức năng sử dụng một cách bao quát hơn. Từ các quy định trên có thể rút ra một khái niệm mang tính tổng hợp như sau: bao bì là vật phẩm hoặc tập hợp vật phẩm được thiết kế nhằm thực hiện chức năng chứa đựng, bảo vệ, vận chuyển, giao nhận hoặc trình bày hàng hóa

³ OECD, Extended Producer Responsibility: Basic Facts and Key Principles, tr.6, truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2024/04/extended-producer-responsibility_4274765d/67587b0b-en.pdf (truy cập 14/02/2026).

trong suốt quá trình lưu thông từ sản xuất đến tiêu dùng, không phụ thuộc vào vật liệu cấu thành hay khả năng tái sử dụng của chúng.

2.2.2. Khái niệm bao bì giao hàng trong thương mại điện tử

Dựa vào định nghĩa về bao bì được rút ra ở trên và xét trong bối cảnh đặc thù của hoạt động đóng gói bao bì trong giao hàng TMĐT, bao bì phát sinh trong lĩnh vực này được hiểu là các vật liệu hoặc vật phẩm được sử dụng để chứa đựng, bảo vệ, cố định và vận chuyển hàng hóa trong quá trình thực hiện đơn hàng trực tuyến từ người bán đến người mua.

Trên thực tế, các loại bao bì thường phát sinh trong hoạt động giao hàng TMĐT bao gồm hộp hoặc thùng carton, túi nhựa PA/PE niêm phong đơn hàng, túi giấy, giấy kraft, vật liệu chèn lót chống sốc, chống xước và móp méo như túi khí, giấy bóng khí, xốp hạt, xốp PE, mút, giấy vụn,... băng dính đóng gói, dây buộc, tem niêm phong và nhãn in thông tin vận đơn. Những vật liệu này đều thực hiện chức năng đóng gói hoặc hỗ trợ đóng gói trong quá trình vận chuyển, do đó có thể được coi là một bộ phận của hệ thống bao bì trong chuỗi giao hàng TMĐT.

2.2.3. Đặc điểm của bao bì giao hàng trong thương mại điện tử

Rác thải bao bì từ hoạt động giao hàng trong TMĐT mang những đặc điểm riêng biệt so với bao bì truyền thống do yêu cầu vận hành của hệ thống logistics hiện đại. Thứ nhất, bao bì trong hoạt động TMĐT thường được thiết kế nhằm tối ưu hóa vận chuyển và bảo vệ hàng hóa, dẫn đến hiện tượng sử dụng nhiều lớp vật liệu đóng gói và gia tăng lượng bao bì cho mỗi đơn hàng. Thứ hai, bao bì TMĐT thường có cấu trúc đa vật liệu (carton, băng dính nhựa, túi PA/PE, màng bọc, xốp chống sốc,...) làm giảm khả năng tái chế sau sử dụng. Thứ ba, phần lớn bao bì này có vòng đời rất ngắn và mang tính dùng một lần, chúng trở thành chất thải ngay sau khi người tiêu dùng thực hiện hành vi vứt bỏ. Thứ tư, rác thải này phát sinh phân tán tại các hộ gia đình, gây khó khăn cho việc thu gom, phân loại và xác định chủ thể chịu trách nhiệm quản lý.

2.3. Mối liên hệ giữa trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và bao bì trong thương mại điện tử

Mối liên hệ giữa EPR và bao bì trong TMĐT thể hiện ở việc chuyển trách nhiệm quản lý rác thải từ Nhà nước sang doanh nghiệp – chủ thể trực tiếp đưa bao bì ra thị trường. Sự phát triển nhanh của TMĐT làm gia tăng đáng kể lượng bao bì, tạo áp lực lớn cho hệ thống xử lý chất thải. Trong bối cảnh đó, EPR giúp nội hóa chi phí môi trường vào chi phí sản phẩm, buộc doanh nghiệp chịu trách nhiệm tài chính và/hoặc tổ chức đối với việc thu gom, tái chế bao bì. Cơ chế này cũng tạo động lực để doanh nghiệp tối ưu hóa thiết kế bao bì, giảm vật liệu và tăng khả năng tái chế. Tuy nhiên, do bao bì TMĐT chưa được điều chỉnh như

một nhóm đối tượng riêng biệt, hiệu quả áp dụng EPR vẫn còn hạn chế, đòi hỏi hoàn thiện pháp luật phù hợp với đặc thù loại bao bì này.

3. Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và xác định chủ thể chịu trách nhiệm

3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất

Chính sách EPR trong pháp luật Việt Nam không xuất hiện đột ngột mà kết quả của một tiến trình pháp lý đang từng bước hoàn thiện hơn. Ngay từ Luật Bảo vệ môi trường (LBVMT) 1993, nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền” đã đặt nền tảng cho việc chuyển giao chi phí xử lý môi trường. Đến Luật năm 2005, pháp luật lần đầu quy định trách nhiệm thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ của doanh nghiệp. Giai đoạn tiếp theo đánh dấu bước tiến với Quyết định 50/2013/QĐ-TTg và các quy định tại Luật năm 2014, từng bước tiếp cận cơ chế EPR. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật giai đoạn này vẫn còn hạn chế do chưa quy định bao bì là đối tượng bắt buộc thu hồi và thiếu các chỉ tiêu định lượng về tái chế, khiến EPR chưa được vận hành đầy đủ trong thực tiễn.

Sự ghi nhận cơ chế EPR trong pháp luật Việt Nam được thể chế hóa lần đầu một cách đầy đủ tại LBVMT 2020. Trọng tâm điều chỉnh nằm tại Điều 54 và Điều 55, thiết lập hai cơ chế trách nhiệm khác nhau đối với sản phẩm, bao bì sau tiêu dùng. Điều 54 LBVMT 2020 quy định trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu (NSX, NNK) đối với sản phẩm, bao bì do mình đưa ra thị trường. Trong khi đó, Điều 55 LBVMT 2020 quy định trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải đối với các sản phẩm, bao bì có chứa chất độc hại, khó tái chế hoặc gây ô nhiễm môi trường. Khác với Điều 54 tập trung vào “tái chế” nhằm thu hồi vật liệu để tái sử dụng trong chu trình sản xuất, Điều 55 hướng đến “xử lý” chất thải nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu tác động môi trường của sản phẩm sau khi thải bỏ.

Các quy định nêu trên được hướng dẫn chi tiết tại Chương VI và các phụ lục kèm theo ND 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi ND 05/2025/NĐ-CP). ND này làm rõ: Đối tượng, lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế; danh mục các sản phẩm, bao bì phải tái chế; tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc; hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế; đăng ký kế hoạch và báo cáo kết quả tái chế; đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam; cung cấp, quản lý thông tin và quản lý, giám sát thực hiện EPR.

Song, việc áp dụng cơ chế EPR trong thực tiễn vẫn đặt ra nhiều vấn đề pháp lý cần làm rõ. Đặc biệt, khái niệm NSX, NNK cần được hiểu như thế nào và pháp luật hiện hành vẫn chưa đề cập cụ thể đến bối cảnh phát sinh rác thải bao bì từ hoạt động TMĐT.

3.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về chủ thể chịu trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất

3.2.1. Cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam

Pháp luật Việt Nam hiện nay xác định NSX và NNK là hai chủ thể trung tâm phải thực hiện nghĩa vụ EPR.

Trước hết, NSX được xác định là một trong những chủ thể trung tâm chịu trách nhiệm thực hiện EPR theo Điều 54 và Điều 55 của LBVMT 2020. Theo khoản 1 Điều 54 của Luật này, tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, bao bì thuộc danh mục do Chính phủ quy định có trách nhiệm thực hiện tái chế theo tỷ lệ bắt buộc hoặc đóng góp tài chính để hỗ trợ hoạt động tái chế. Danh mục các loại sản phẩm, bao bì phải thực hiện trách nhiệm tái chế được quy định tại Điều 77 của NĐ 08/2022/NĐ-CP và chi tiết tại các phụ lục kèm theo NĐ này, trong khi tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc được quy định tại Điều 78 của NĐ.

Cách tiếp cận này cho thấy pháp luật Việt Nam gắn trách nhiệm môi trường với các chủ thể đưa sản phẩm hoặc bao bì ra thị trường: NSX có trách nhiệm thực hiện tái chế sản phẩm, bao bì theo tỷ lệ bắt buộc hoặc đóng góp tài chính để hỗ trợ hoạt động tái chế, đồng thời thực hiện thu gom, xử lý đối với một số sản phẩm sau tiêu dùng.

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng xác định NNK là chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ EPR. Theo khoản 1 Điều 54 LBVMT 2020, NNK sản phẩm, bao bì thuộc danh mục quy định phải bảo đảm việc tái chế theo tỷ lệ bắt buộc tương tự như NSX. Các nghĩa vụ này được cụ thể hóa trong các quy định của NĐ 08/2022/NĐ-CP, bao gồm các quy định về danh mục sản phẩm, bao bì phải tái chế, tỷ lệ tái chế bắt buộc và phương thức thực hiện trách nhiệm tái chế. Việc đặt nghĩa vụ EPR đối với NNK nhằm bảo đảm nguyên tắc công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa nhập khẩu, đồng thời hạn chế khả năng né tránh trách nhiệm môi trường thông qua hoạt động thương mại quốc tế.

3.2.2. Đánh giá

Nhìn chung, cách thiết kế chủ thể chịu trách nhiệm EPR của pháp luật Việt Nam có một số điểm tích cực. Trước hết, việc tập trung nghĩa vụ vào NSX và NNK phù hợp với nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, đồng thời giúp đơn giản hóa cơ chế thực thi khi trách nhiệm được đặt vào các chủ thể có quy mô và khả năng quản lý tương đối rõ ràng trong chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, việc áp dụng nghĩa vụ EPR đối với cả hàng hóa nhập khẩu cũng góp phần bảo đảm sự bình đẳng trong cạnh tranh và tránh tình trạng chuyển dịch gánh nặng môi trường sang các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, cách tiếp cận này chủ yếu được xây dựng trên cơ sở mô hình chuỗi cung ứng truyền thống, trong đó sản phẩm được sản xuất, đóng gói và phân phối thông qua các kênh thương mại tương đối ổn định.

Khi đặt trong bối cảnh sự phát triển nhanh của TMĐT, phạm vi chủ thể chịu trách nhiệm EPR theo pháp luật hiện hành bộc lộ một số khoảng trống đáng chú ý sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần sau.

4. Kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia về xác định chủ thể chịu trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đối với bao bì sản phẩm trong thương mại điện tử

Liên minh châu Âu là khu vực tiên phong thể chế hóa cơ chế EPR đối với bao bì thông qua Chỉ thị 94/62/EC về bao bì và rác thải bao bì. Chỉ thị này yêu cầu các quốc gia thành viên xây dựng hệ thống thu hồi, tái chế bao bì và phân bổ chi phí quản lý chất thải cho các chủ thể đưa bao bì ra thị trường. Trong bối cảnh TMĐT phát triển, nhiều quốc gia đã điều chỉnh hệ thống EPR nhằm bao quát cả bao bì phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tuyến.

4.1. Kinh nghiệm từ Đức

Đức áp dụng cơ chế EPR đối với bao bì theo Đạo luật Bao bì (VerpackG) quy định mọi doanh nghiệp đưa bao bì lần đầu ra thị trường Đức phải đăng ký với cơ quan đăng ký trung tâm, tham gia hệ thống thu hồi – tái chế và đóng góp tài chính tương ứng với khối lượng bao bì. Phạm vi chủ thể chịu trách nhiệm được mở rộng sang cả doanh nghiệp bán hàng trực tuyến và các nhà bán hàng nước ngoài phân phối sản phẩm thông qua TMĐT. Đặc biệt, các nền tảng TMĐT có nghĩa vụ kiểm tra việc tuân thủ EPR của người bán và phải ngừng cho phép giao dịch nếu người bán không cung cấp mã đăng ký hợp lệ.⁴

Cách tiếp cận này cho thấy sự dịch chuyển từ mô hình EPR truyền thống sang mô hình giám sát theo thị trường, trong đó trách nhiệm không chỉ đặt lên NSX mà còn lan tỏa tới các chủ thể trung gian có khả năng kiểm soát hoạt động phân phối trong môi trường TMĐT.

4.2. Kinh nghiệm từ Pháp

Pháp triển khai cơ chế EPR đối với bao bì từ năm 1992 và tiếp tục mở rộng hệ thống này thông qua Luật chống lãng phí và kinh tế tuần hoàn (AGEC) năm 2020. Theo Điều L.541-10 Bộ luật Môi trường Pháp, khái niệm “producer” được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm mọi chủ thể sản xuất, nhập khẩu hoặc đưa sản phẩm tạo ra chất thải ra thị trường Pháp, kể cả người bán trực tuyến. Các chủ thể này phải đăng ký mã định danh EPR và tham gia hệ thống tổ chức trách nhiệm của NSX (PRO) hoặc tự tổ chức hoạt động thu gom, tái chế.

⁴ Deutsche Recycling (n.d.), “Check Your EPR Status for German Marketplaces”, truy cập tại: <https://deutsche-recycling.com/blog/check-your-epr-status-for-german-marketplaces/> (truy cập ngày 23/01/2026).

Pháp luật Pháp cũng đặt nghĩa vụ đối với các nền tảng TMĐT. Theo Điều L.541-10-9 Bộ luật Môi trường, nhà điều hành nền tảng phải bảo đảm người bán trên nền tảng đã thực hiện nghĩa vụ EPR; nếu không, nền tảng có thể phải thực hiện nghĩa vụ thay cho người bán. Cách tiếp cận này phản ánh xu hướng mở rộng trách nhiệm trong chuỗi phân phối số nhằm hạn chế việc né tránh nghĩa vụ môi trường trong hoạt động TMĐT xuyên biên giới.

5. Khoảng trống pháp lý và một số đề xuất cho Việt Nam

5.1. Khoảng trống pháp lý về chủ thể chịu trách nhiệm

Trong TMĐT, cấu trúc chuỗi giá trị của hoạt động phân phối hàng hóa đã có sự thay đổi đáng kể so với mô hình thương mại truyền thống. Bên cạnh NSX và NNK, quá trình đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng còn có sự tham gia của các chủ thể trung gian như sàn TMĐT, người bán trên nền tảng số và doanh nghiệp logistics. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành về EPR chủ yếu chỉ đề cập đến NSX và NNK mà chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể trung gian này trong việc quản lý, thu gom hoặc tái chế bao bì phát sinh từ giao dịch TMĐT.

Mặt khác, việc xác định người bán hàng xuyên biên giới hoặc các cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ trên sàn TMĐT có thuộc đối tượng “nhà nhập khẩu” hay không còn nhiều tranh luận. Trong nhiều trường hợp, hàng hóa được vận chuyển trực tiếp từ nước ngoài đến người tiêu dùng thông qua nền tảng TMĐT mà không có pháp nhân nhập khẩu rõ ràng tại Việt Nam. Điều này có thể dẫn đến tình trạng một lượng lớn bao bì phát sinh trên thị trường nhưng không có chủ thể chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ EPR.

Ngoài ra, đặc điểm giao dịch trực tuyến với số lượng lớn người bán trên các nền tảng số cũng khiến việc xác định và giám sát các chủ thể có nghĩa vụ EPR trở nên khó khăn hơn. Khi pháp luật chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm đối với các chủ thể trung gian hoặc kiểm soát hiệu quả hoạt động bán hàng xuyên biên giới, nguy cơ phát sinh khoảng trống trong quản lý rác thải bao bì từ TMĐT là điều khó tránh khỏi.

Như vậy mặc dù pháp luật Việt Nam đã bước đầu thiết lập khuôn khổ cho cơ chế EPR thông qua các quy định của LBVMT 2020 và NĐ 08/2022/NĐ-CP, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR trong bối cảnh TMĐT vẫn còn một số khoảng trống nhất định. Khoảng trống này không chỉ làm giảm hiệu quả của cơ chế phân bổ trách nhiệm môi trường mà còn có thể tạo ra nguy cơ bỏ sót nghĩa vụ đối với một phần bao bì phát sinh trong thực tiễn giao dịch trực tuyến. Vậy, việc nghiên cứu và hoàn thiện quy định pháp luật nhằm làm rõ trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi giá trị TMĐT là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh phát triển nhanh của mô hình kinh doanh này.

5.2. Một số đề xuất cho Việt Nam

Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật hiện hành và đặc điểm của TMĐT tại Việt Nam, bài báo đề xuất phương án xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR theo hướng các chủ thể cùng chia sẻ trách nhiệm, trong đó NSX, NNK vẫn giữ vai trò chủ thể chịu trách nhiệm chính, đồng thời xác lập các nghĩa vụ hỗ trợ đối với các chủ thể trung gian tham gia vào quá trình phân phối hàng hóa trực tuyến.

Trước hết, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR có thể được tiếp cận theo tiêu chí chức năng thay vì chỉ dựa trên danh xưng pháp lý truyền thống như “nhà sản xuất” hoặc “nhà nhập khẩu”. Theo đó, trách nhiệm có thể được mở rộng đối với các tổ chức, cá nhân đưa sản phẩm hoặc bao bì ra thị trường thông qua nền tảng số hoặc hệ thống phân phối trực tuyến. Cách tiếp cận này giúp bao quát tốt hơn các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT, đồng thời vẫn bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm môi trường với chủ thể gây ô nhiễm.

Việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR cũng cần gắn với cơ chế phân bổ trách nhiệm giữa các chủ thể trong chuỗi cung ứng TMĐT. Trong khi NSX và NNK chịu trách nhiệm chính đối với bao bì sản phẩm, các chủ thể trung gian như người bán trực tuyến hoặc doanh nghiệp logistics có thể được quy định các nghĩa vụ hỗ trợ liên quan đến việc giảm thiểu, quản lý và thu gom bao bì phát sinh trong quá trình giao hàng.

Ngoài ra, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR cũng có thể được tiếp cận dựa trên mức độ kiểm soát thực tế của các chủ thể thay vì chỉ dựa trên vị trí pháp lý của họ trong mô hình phân phối truyền thống. Trong hoạt động TMĐT, nhiều quyết định liên quan đến bao bì chẳng hạn như việc lựa chọn vật liệu đóng gói, phương thức đóng gói hoặc tiêu chuẩn vận chuyển có thể do các chủ thể khác nhau đưa ra. Vì vậy, việc xác định trách nhiệm EPR dựa trên mức độ kiểm soát đối với các yếu tố này sẽ góp phần phân bổ nghĩa vụ môi trường một cách hợp lý hơn giữa các chủ thể tham gia thị trường. Đồng thời, cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng quản lý môi trường hiện đại, trong đó trách nhiệm được gắn với vai trò thực tế của chủ thể trong chuỗi giá trị sản phẩm.

Nhìn chung, phương án xác định chủ thể chịu trách nhiệm EPR theo hướng các chủ thể cùng chia sẻ trách nhiệm có thể được xem là cách tiếp cận phù hợp đối với bối cảnh phát triển của TMĐT. Phương án này vừa bảo đảm duy trì nguyên tắc cơ bản của cơ chế EPR là gắn trách nhiệm với chủ thể gây ô nhiễm, vừa cho phép phản ánh đầy đủ hơn vai trò của các chủ thể trung gian trong quá trình phân phối hàng hóa trực tuyến. Qua đó, cơ chế EPR có thể được vận hành hiệu quả hơn trong việc quản lý rác thải bao bì phát sinh từ hoạt động giao hàng TMĐT tại Việt Nam.

6. Kết luận

Sự phát triển nhanh chóng của TMĐT đã làm thay đổi phương thức phân phối hàng hóa và kéo theo sự gia tăng đáng kể của chất thải bao bì phát sinh từ hoạt động đóng gói và giao nhận. So với mô hình thương mại truyền thống, quá trình giao hàng trực tuyến thường sử dụng nhiều lớp bao bì nhằm bảo đảm an toàn cho hàng hóa trong quá trình vận chuyển, từ đó làm gia tăng lượng chất thải có vòng đời ngắn và phân tán tại nhiều điểm tiêu dùng.

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã bước đầu thiết lập khuôn khổ cho cơ chế EPR thông qua LBVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định hiện hành vẫn chủ yếu được xây dựng trên cơ sở mô hình phân phối truyền thống. Trong bối cảnh TMĐT, sự tham gia của nhiều chủ thể trung gian như người bán trực tuyến, sàn giao dịch điện tử và doanh nghiệp logistics đặt ra thách thức đối với việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm đối với lượng bao bì phát sinh trong quá trình giao hàng.

Do đó, việc hoàn thiện cơ chế EPR cần được tiếp cận theo hướng làm rõ trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi cung ứng TMĐT, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý chất thải bao bì và góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2026), “Tìm hiểu quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm bao bì thải bỏ của tổ chức, cá nhân sản xuất”, truy cập tại: <https://vupc.mae.gov.vn/linh-vuc-moi-truong/3384/tim-hieu-quy-dinh-ve-trach-nhiem-tai-che-xu-ly-san-pham-bao-bi-thai-bo-cua-to-chuc-ca-nhan-san-xuat-> (truy cập ngày 14/01/2026).

Chính phủ (2013), NĐ số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013 về thương mại điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ số 85/2021/NĐ-CP).

Chính phủ (2022), NĐ số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ số 05/2025/NĐ-CP).

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), Luật Bảo vệ môi trường, số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020.

Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam (n.d.), “Cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất trong quản lý chất thải”, truy cập tại: <https://khoahocphaplyvietnam.edu.vn/khplvn/article/view/117> (truy cập ngày 14/01/2026).

VnEconomy (n.d.), “Kinh tế tuần hoàn từng bước thay thế kinh tế tuyến tính”, truy cập tại: <https://vneconomy.vn/kinh-te-tuan-hoan-tung-buoc-thay-the-kinh-te-tuyen-tinh.htm> (truy cập ngày 05/01/2026).

WWF (2023), Báo cáo tóm tắt: Chất thải nhựa bao bì từ thương mại điện tử tại Việt Nam, truy cập tại: https://wwfasia.awsassets.panda.org/downloads/bctt_1_1.pdf (truy cập ngày 05/01/2026).

II. Tài liệu tiếng nước ngoài

Centre for Science and Environment (n.d.), “Unpacking EPR for Plastic Packaging in India”, truy cập tại: <https://www.cseindia.org/unpacking-epr-for-plastic-packaging-in-india-12442> (truy cập ngày 14/02/2026).

CMS Law (n.d.), “Reinforcement and Extension of the Extended Producer Responsibility (EPR)”, truy cập tại: <https://cms.law/en/fra/news-information/reinforcement-and-extension-of-the-extended-producer-responsibility-epr> (truy cập ngày 20/01/2026).

Der Grüne Punkt – Green Dot System (n.d.), “About Green Dot”, truy cập tại: <https://www.gd-europe.com/greendot/about-green-dot/> (truy cập ngày 14/02/2026).

Deutsche Recycling (n.d.), “Check Your EPR Status for German Marketplaces”, truy cập tại: <https://deutsche-recycling.com/blog/check-your-epr-status-for-german-marketplaces/> (truy cập ngày 23/01/2026).

EPR Compliance (n.d.), “German Packaging Act”, truy cập tại: <https://www.epr-compliance.com/en/german-packaging-act> (truy cập ngày 08/02/2026).

Eurostat (n.d.), “E-commerce Statistics for Individuals”, truy cập tại: https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=E-commerce_statistics_for_individuals (truy cập ngày 24/01/2026).

European Parliament and Council (1994), *Directive 94/62/EC on Packaging and Packaging Waste*, truy cập tại: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:31994L0062> (truy cập ngày 24/01/2026).

French Environmental Code (2023), *Article L. 541-10*, truy cập tại: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc/LEGITEXT000006074220/LEGISCTA000041554940/2023-01-01/?anchor=LEGIARTI000041599099#LEGIARTI000041599099 (truy cập ngày 14/02/2026).

GIZ (2018), *Extended Producer Responsibility for Packaging*, tr.7, truy cập tại: https://www.giz.de/de/downloads/giz2018_EPR-Packaging_web.pdf (truy cập ngày 17/02/2026).

My-Compliance (n.d.), “French Commercial Packaging Regulation 2025”, truy cập tại: <https://www.my-compliance.eu/news/fr-commercial-packaging-2025/> (truy cập ngày 19/02/2026).

OECD (2001), *Extended Producer Responsibility: A Guidance Manual for Governments*, tr.9, DOI: <https://doi.org/10.1787/9789264189867-en>, truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2001/03/extended-producer-responsibility_g1gh2874/9789264189867-en.pdf (truy cập ngày 24/12/2025).

OECD (2016), *Extended Producer Responsibility: Updated Guidance for Efficient Waste Management*, OECD Publishing, tr.21, DOI: <https://doi.org/10.1787/9789264256385-en>, truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2016/09/extended-producer-responsibility_g1g6742c/9789264256385-en.pdf (truy cập ngày 14/02/2026).

OECD (2024), *Extended Producer Responsibility: Basic Facts and Key Principles*, tr.6, DOI: <https://doi.org/10.1787/67587b0b-en>, truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2024/04/extended-producer-responsibility_4274765d/67587b0b-en.pdf (truy cập ngày 04/12/2025).

OECD (n.d.), *Extended Producer Responsibility and the Impact of Online Sales*, truy cập tại: <https://docslib.org/doc/139713/extended-producer-responsibility-and-the-impact-of-online-sales> (truy cập ngày 04/12/2025).

République Française (2020), *Loi relative à la lutte contre le gaspillage et à l'économie circulaire (AGEC Law)*, truy cập tại: <https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000041553759/> (truy cập ngày 13/01/2026).

UNEP (n.d.), “Plastic Pollution”, truy cập tại: <https://www.unep.org/plastic-pollution> (truy cập ngày 14/02/2026).

VAT Compliance (n.d.), “Extended Producer Responsibility in France”, truy cập tại: <https://vatcompliance.co/guides/epr/france/> (truy cập ngày 14/02/2026).

World Bank (2021), *Vietnam: Plastic Circularity Opportunities and Barriers*, DOI: <https://doi.org/10.1596/35149> , truy cập tại: <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/35149> (truy cập ngày 14/02/2026).